

Ngày 30/09/2025	7,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.7%	19.4%	7.2%

	Q3/25	
ROE	11.4%	+/- YoY ▲ 3.2%

	Q3/25		
DT thuần	264	QoQ	YoY
		▼ 258	▼ 16.0
		▼ 49.3%	▼ 5.6%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	837	YoY
		▲ 261
		▲ 45.3%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	30.3	QoQ	YoY
		▼ 23.6	▼ 15.4
		▼ 43.7%	▼ 33.6%
	tỷ VNĐ		

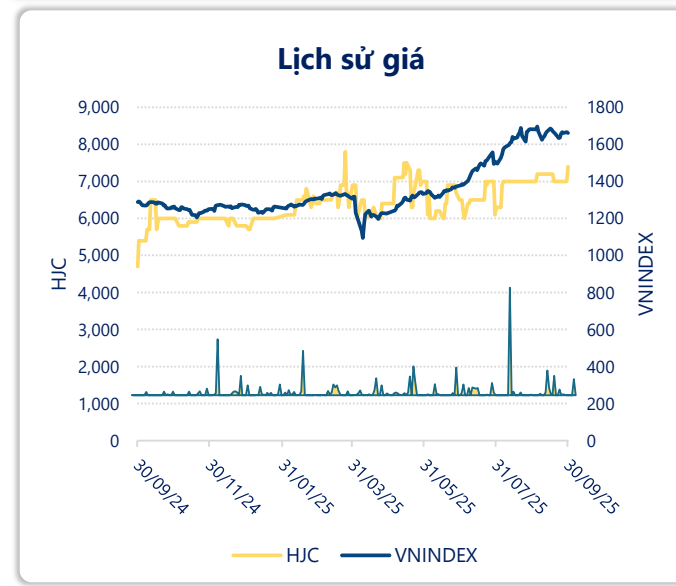
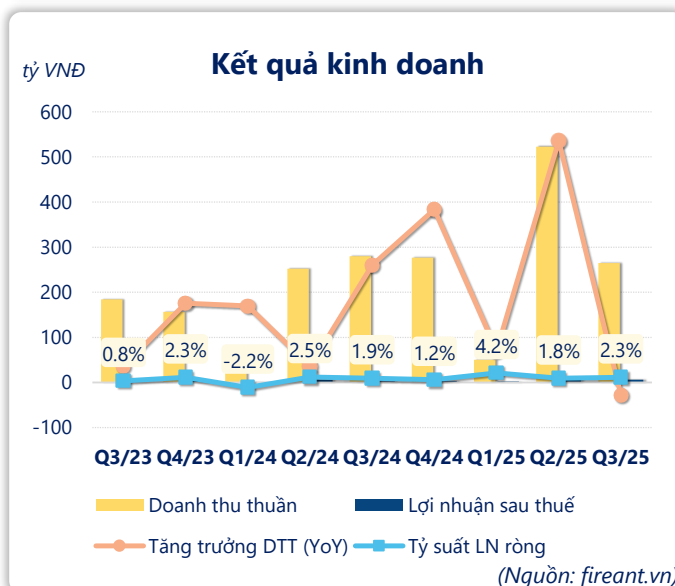
	9T 2025	
LN gộp	99.4	YoY
		▲ 28.0
		▲ 39.2%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	7.71	QoQ	YoY
		▼ 4.19	▲ 0.88
		▼ 35.2%	▲ 13.0%
	tỷ VNĐ		

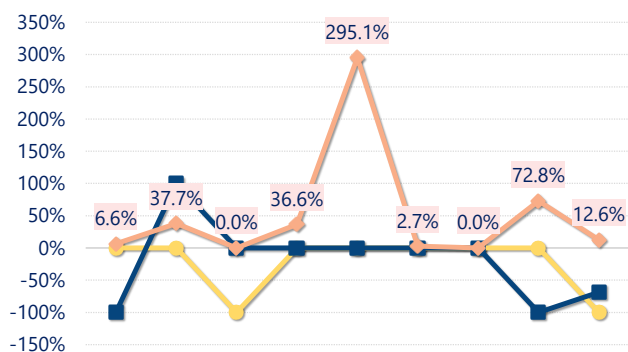
	9T 2025	
LN thuần	22.3	YoY
		▲ 8.80
		▲ 65.7%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	6.14	QoQ	YoY
		▼ 3.37	▲ 0.73
		▼ 35.5%	▲ 13.5%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	17.8	YoY
		▲ 7.20
		▲ 67.2%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

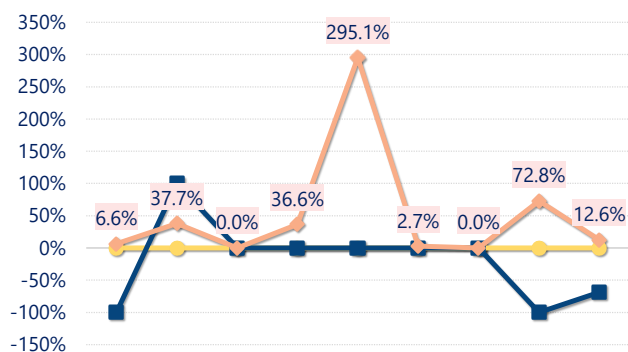


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

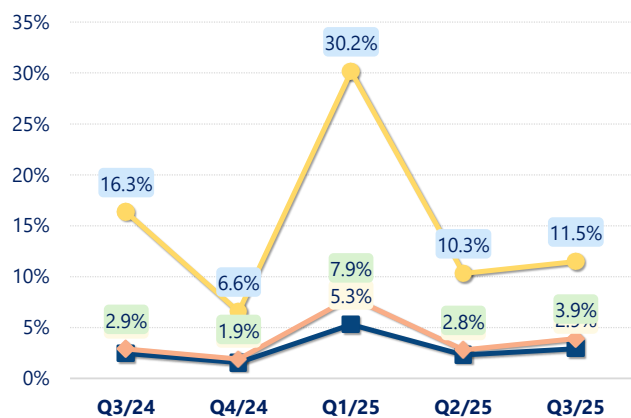


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

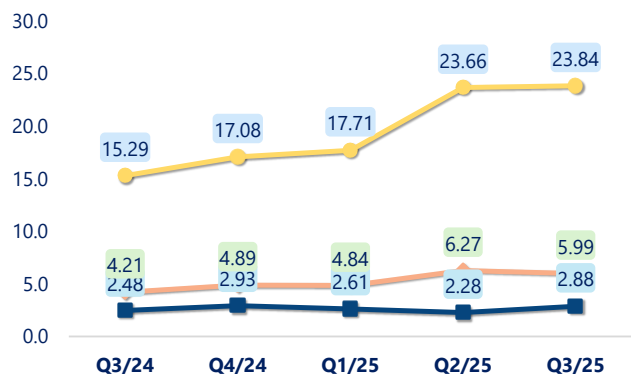
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

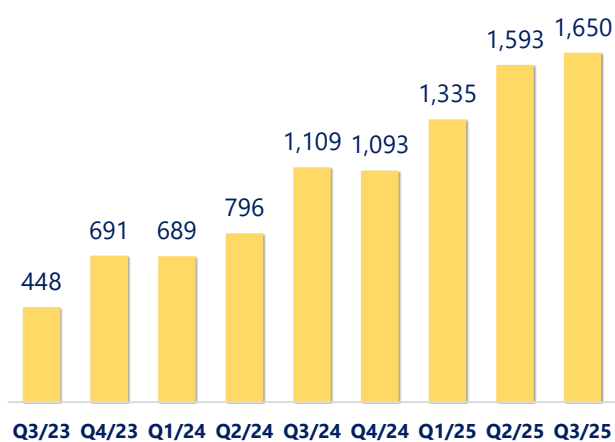
Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	264	280	-5.6%	837	576	45.3%
Giá vốn hàng bán	234	234	0.0%	738	505	46.2%
Lợi nhuận gộp	30.3	45.7	-33.6%	99.4	71.4	39.2%
Doanh thu HĐTC	0.16	0.38	-59.1%	0.32	1.56	-79.4%
Chi phí TC	2.61	1.32	97.8%	6.50	2.86	127%
Chi phí lãi vay	2.61	1.28	104%	6.49	2.82	131%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	14.9	8.54	74.5%	28.4	13.3	114%
Chi phí QLDN	5.26	29.4	-82.1%	42.5	43.3	-2.0%
LN thuần từ HĐKD	7.71	6.83	13.0%	22.3	13.5	65.7%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.03	66.7%	0.07	-0.03	295%
LN trước thuế	7.70	6.80	13.3%	22.4	13.4	66.6%
Lợi nhuận sau thuế	6.14	5.41	13.5%	17.8	10.6	67.2%
LNST của CĐ cty mẹ	6.14	5.41	13.5%	17.8	10.6	67.2%

(Nguồn: fireant.vn)

